

Chiến lược tham gia các hiệp định thương mại tự do của Hàn Quốc

Lê Ái Lâm¹, Nguyễn Hồng Nga¹, Lê Đức Dũng²

¹ Viện Kinh tế và Chính trị thế giới.

Email: leailam@hotmail.com

² Trường Cao đẳng nghề số 4, Bộ Quốc phòng.

Nhận ngày 15 tháng 2 năm 2017. Chấp nhận đăng ngày 29 tháng 3 năm 2017.

Tóm tắt: Hàn Quốc là một trường hợp thành công trên thế giới với các hiệp định thương mại tự do (FTA) đã ký kết có chất lượng cao và tác động tích cực tới nền kinh tế cũng như vị thế quốc gia. Đằng sau những thành công của Hàn Quốc là một chiến lược bài bản, được chuẩn bị kỹ lưỡng trong cả một quá trình. Hàn Quốc đã đưa ra một chiến lược FTA với ba giai đoạn phát triển phù hợp với thực tiễn bên trong và bên ngoài của đất nước, theo đó giai đoạn một có sự thận trọng và quan sát, giai đoạn hai tiến tới phát triển mạnh FTA về chiều rộng và giai đoạn thứ ba trong những năm gần đây, Hàn Quốc đã thiên về phát triển các FTA về chiều sâu với các tiêu chuẩn ký kết cao.

Từ khóa: Hiệp định thương mại tự do, chiến lược, Hàn Quốc.

Abstract: The Republic of Korea (RoK, also known as South Korea) is a success story, having signed free trade agreements (FTAs) of high quality and with positive impacts on its economy and national position. Behind its successes is a thoroughly-prepared strategy. The country devised an FTA strategy with three stages of development, which is suitable to both domestic and international contexts. Accordingly, phase 1 was conducted with prudence and observations, phase 2 was the strong expansive development of FTAs, and phase 3, in recent years, has seen more in-depth development with high standards applied in the negotiation and signing.

Keywords: Free Trade Agreements, strategy, the Republic of Korea.

1. Mở đầu

Mặc dù khởi động các vòng đàm phán FTA muộn hơn gần một thập kỷ so với nhiều quốc gia trên thế giới, nhưng Hàn Quốc hiện đang nổi lên như một trong những “căn cứ FTA” sôi động nhất toàn cầu. Tính đến hết tháng 12/2015, Hàn Quốc đã ký kết

thành công 15 FTA (trong đó, 14 FTA chính thức có hiệu lực), là đối tác thương mại với 52 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới.

Trong số 48 quốc gia ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, Hàn Quốc đang xếp thứ 4 (chỉ sau Ấn Độ, Nhật Bản và Singapore) về số lượng các FTA đã tham gia và đang

trong quá trình đàm phán [26]. Mặc dù sở hữu một mạng lưới FTA phủ sóng rộng khắp, song Hàn Quốc vẫn đang tiếp tục mở rộng mạng lưới FTA của mình khi không ngừng triển khai đàm phán và xem xét ký kết các FTA mới với nhiều đối tác thương mại quan trọng.

Điểm đặc biệt là, mạng lưới đối tác FTA của Hàn Quốc có độ phủ sóng rộng, không bó hẹp ở một khu vực địa lý hay một vài quốc gia chiến lược. Đối tác thương mại của Hàn Quốc có sự góp mặt của cả các nền kinh tế phát triển và đang phát triển (trong đó có những cường quốc kinh tế hàng đầu, như: Mỹ, Liên minh Châu Âu (EU), Trung Quốc cho tới các quốc gia mới nổi như Ấn Độ, Peru...) và trải dài trên cả 4 lục địa từ Châu Á, Châu Âu cho tới Châu Mỹ và Châu Đại Dương. Mạng lưới FTA rộng lớn của Hàn Quốc đang góp phần quan trọng cho sự gia tăng mức độ tự do hóa thương mại toàn cầu, đồng thời, tạo hiệu ứng domino kích thích các quốc gia mở rộng hoạt động liên kết thương mại quốc tế [8].

Đáng chú ý, Hàn Quốc nắm trong tay các FTA với những nền kinh tế chủ chốt thế giới như Mỹ, Trung Quốc và Liên minh Châu Âu (EU). Việc tham gia FTA với những con bài chiến lược này không những tạo ra sự sôi động cho hoạt động thương mại quốc tế nói chung cũng như cho thương mại Hàn Quốc nói riêng, mà còn mở ra cơ hội tăng trưởng cho nền kinh tế Hàn Quốc vốn phụ thuộc nhiều vào xuất khẩu. Tương tự, việc Hàn Quốc ký kết FTA với các quốc gia đang phát triển, một mặt giúp mở rộng thị trường thương mại còn hạn chế ở những nước này; song mặt khác cũng tạo ra những ngoại áp thúc đẩy cải thiện môi trường chính trị tại đây. Đó là những điều kiện cần thiết mở đường cho tiến trình đàm phán các

thỏa thuận thương mại đa phương, tổ chức và khu vực mà Hàn Quốc dự định tham gia trong tương lai. Bài viết phân tích chiến lược tham gia FTA về thời gian, lộ trình và mục tiêu.

2. Thời gian tham gia đàm phán các hiệp định thương mại tự do

Nếu như những năm 1990, Hàn Quốc gần như đứng ngoài xu thế hội nhập và liên kết kinh tế toàn cầu thì tới năm 2015, quốc gia này đã vươn lên trở thành một trong những trung tâm FTA lớn nhất thế giới. Hàn Quốc đã chứng minh cho thế giới thấy sự chủ động và tích cực cũng như tính đa dạng ngày càng tăng trong xu hướng tham gia các FTA của mình. Tiến trình đàm phán và tham gia vào các FTA của Hàn Quốc nhìn chung tương đối nhanh chóng và chủ động. Ngoại trừ hai FTA với ASEAN và Thổ Nhĩ Kỳ phải trải qua lần lượt các thỏa thuận thương mại trên từng lĩnh vực (về hàng hóa, dịch vụ và đầu tư) trước khi đạt được thỏa thuận chung cuối cùng; thì 13/15 FTA còn lại đều đạt được thỏa thuận đầy đủ đối với cả 3 lĩnh vực trong một lần duy nhất.

Về thời gian đàm phán, kể từ vòng đàm phán đầu tiên cho tới khi các FTA chính thức được ký kết và có hiệu lực, trung bình các FTA của Hàn Quốc thường mất 4 năm để đạt được thỏa thuận cuối cùng. Cá biệt có trường hợp của Canada, tiến trình đàm phán kéo dài tới 9 năm, còn lại các FTA của Hàn Quốc đều có thời gian đàm phán và phê chuẩn dao động từ 1-5 năm.

Theo tính toán của Viện Nghiên cứu Kinh tế Đức (2012), thông thường các FTA cần khoảng 316-4.144 ngày kể từ khi bắt đầu tiến trình đàm phán cho tới khi hiệp định có hiệu lực chính thức, trung bình

khoảng 3,58 năm (tương đương 1.310 ngày) [19]. Với thời gian đàm phán trung bình khoảng 4 năm, có thể thấy các vòng đàm phán FTA của Hàn Quốc đều được triển khai khá nhanh chóng. Đa phần các FTA của Hàn Quốc có thời gian đàm phán ngắn (dưới 3 năm) đối với những đối tác là các quốc gia đang phát triển (Singapore, Peru, Thổ Nhĩ Kỳ, Việt Nam), còn với những nền kinh tế phát triển, thời gian đàm phán thường kéo dài hơn (trên 4 năm).

3. Lộ trình chiến lược các hiệp định thương mại tự do

Đối với Hàn Quốc, một nền kinh tế phụ thuộc lớn vào xuất khẩu, lựa chọn đường lối thương mại đúng đắn đóng vai trò quyết định trong tăng trưởng kinh tế. Mặc dù là một trong hai quốc gia cuối cùng tham gia FTA, song Hàn Quốc lại đang là quốc gia đi đầu trong việc hình thành và triển khai các chiến lược FTA ở khu vực Đông Bắc Á. Kể từ năm 1990 cho tới nay, chiến lược tham gia FTA của Hàn Quốc có thể chia ra thành 4 giai đoạn, với những nội dung chính như sau:

i) *Thời kỳ đầu những năm 1990*: Hàn Quốc bắt đầu thực thi các chính sách thương mại tích cực, thay thế cho chính sách bảo hộ công nghiệp mạnh mẽ trước đây. Tuy đã chủ động mở cửa thị trường, bãi bỏ các quy định về thuế quan và thúc đẩy tự do hóa thương mại, song Hàn Quốc về cơ bản vẫn tuân thủ các quy tắc tự do thương mại đa phương trong khuôn khổ GATT/WTO chứ chưa có một chiến lược tham gia FTA cụ thể nào.

ii) *Chiến lược FTA 1.0*: năm 1998, vòng đàm phán FTA đầu tiên với Chile chính

thức được khởi động, đánh dấu những bước chuyển mình rõ rệt trong tư duy thương mại của Hàn Quốc. Hàn Quốc bắt đầu thay đổi chiến lược, tập trung theo đuổi các chính sách FTA một cách chủ động và tích cực hơn. Tuy nhiên phải tới đầu những năm 2000, Chính phủ Hàn Quốc mới hệ thống hóa và đưa ra được một bản chiến lược FTA cụ thể với tên gọi “Lộ trình FTA”, công bố tháng 8/2003. Chiến lược này giống như một chương trình nghị sự phát triển kinh tế quốc gia, trong đó nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tham gia các FTA và thể hiện quyết tâm thay đổi chính sách FTA từ tham gia bị động sang tham gia chủ động dưới tất cả các hình thức. Mục tiêu tổng quát của chiến lược này là trong trung và dài hạn, Hàn Quốc sẽ ký kết thành công FTA với những nền kinh tế hàng đầu thế giới như Mỹ và Trung Quốc. Mặc dù vậy, trong ngắn hạn, Lộ trình này cũng kỳ vọng Hàn Quốc sẽ đẩy nhanh FTA với các quốc gia láng giềng, làm bước đệm cho việc tham gia FTA với các nền kinh tế lớn.

iii) *Chiến lược FTA 2.0*: để hiện thực hóa những mục tiêu này, tháng 5/2004, “Lộ trình FTA” 2003 đã được sửa đổi và cập nhật một số nội dung chiến lược quan trọng. Trong đó, bản chiến lược mới phân chia các đối tác thương mại của Hàn Quốc thành ba nhóm: Một là, nhóm các đối tác FTA đàm phán sớm: Chile, Singapore, Hiệp hội thương mại tự do Châu Âu (EFTA) và Nhật Bản. Hai là, nhóm các đối tác FTA trung hạn: Mexico, Canada, ASEAN, Trung Quốc. Ba là, nhóm các đối tác FTA dài hạn: Mỹ, EU và Ấn Độ (lộ trình sửa đổi sau đó điều chỉnh Canada và Ấn Độ vào nhóm đối tác đàm phán sớm). Chiến lược của Hàn Quốc là tiến hành đàm phán với nhóm đối tác ngắn và trung hạn trước, thường là các quốc gia láng giềng và các nền kinh tế đang

phát triển, sau đó mới triển khai đàm phán với các nền kinh tế lớn, các đối tác thương mại lâu dài nhằm tận dụng kinh nghiệm, kế thừa và phát huy những kết quả thỏa thuận trước đó [9].

“Lộ trình FTA” 2003 Hàn Quốc nhấn mạnh tới chiến lược theo đuổi các FTA một cách đồng thời, sâu rộng, toàn diện và có chất lượng cao cả về đối tác thương mại, mức độ cam kết lẫn mức độ toàn diện của các hiệp định [17]. Từ đó, đưa Hàn Quốc vươn lên trở thành một trung tâm FTA và trung tâm kinh tế lớn ở khu vực Đông Bắc Á, hướng tới một Hàn Quốc năng động.

iv) *Chiến lược FTA 3.0*: trước những biến động của thương mại quốc tế với sự ra đời của các siêu hiệp định xuyên quốc gia và xuyên lục địa như Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), Hiệp định Đối tác Thương mại và Đầu tư xuyên Đại Tây Dương (TTIP), Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực (RCEP), cùng sự trỗi dậy mạnh mẽ của các nền kinh tế mới nổi, tháng 6/2013 Chính phủ Hàn Quốc đã phải đưa ra một chiến lược FTA mới với tên gọi “Lộ trình thương mại mới”.

Bản chiến lược nhấn mạnh tới vai trò chủ động của Hàn Quốc trong việc thúc đẩy tiến trình hội nhập kinh tế ở khu vực Đông Á và theo đuổi chiến lược FTA cùng có lợi với các nền kinh tế mới nổi. Lộ trình thương mại mới 2013 khẳng định sẽ tiếp tục duy trì chính sách thương mại mở cửa và mở rộng mạng lưới FTA toàn cầu. Hàn Quốc sẽ thúc đẩy các chương trình hỗ trợ và hợp tác phát triển song phương, để doanh nghiệp Hàn Quốc có cơ hội mở rộng hoạt động sang các thị trường mới. Ngoài ra, Hàn Quốc cũng sẽ tiến hành đàm phán FTA với một số quốc gia thành viên ASEAN như Indonesia và Việt Nam nhằm khuyến khích các doanh nghiệp Hàn

Quốc gia tăng xuất khẩu và đầu tư tới hai nền kinh tế này.

Chiến lược FTA mới cũng khuyến khích thu hút vốn đầu tư nước ngoài và hỗ trợ xây dựng năng lực doanh nghiệp nhằm giúp các doanh nghiệp nội địa mở rộng thị trường thông qua thương mại tự do, từ đó thúc đẩy tăng trưởng ở khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa, đồng thời tạo thêm nhiều việc làm mới cho xã hội.

Đáng chú ý, “Lộ trình thương mại mới” nhấn mạnh vai trò then chốt của Hàn Quốc trong cuộc chạy đua tranh giành ảnh hưởng ở Đông Á giữa Mỹ và Trung Quốc thông qua hai thỏa thuận thương mại TPP và RCEP, đặc biệt là khi Hàn Quốc có FTA song phương với cả hai cường quốc này.

4. Mục tiêu tham gia FTA

4.1. Mục tiêu kinh tế

Sau khi ký kết hai “FTA tiền trạm” với Chile và Singapore, Chính phủ Hàn Quốc đã nhận thức được lợi ích kinh tế to lớn từ việc tham gia các thỏa thuận thương mại [6]. Báo cáo Chính sách và tầm nhìn kinh tế - xã hội Hàn Quốc (2004) khẳng định, “việc thúc đẩy các FTA với các đối tác thương mại chiến lược quan trọng có ý nghĩa sống còn trong việc đảm bảo thị trường xuất khẩu ổn định và vượt qua các rào cản thương mại trong khu vực”, “giúp duy trì vị trí chiến lược của các công ty trong nước và thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài”. Chiến lược FTA của Hàn Quốc chỉ rõ mục tiêu tối đa hóa các “tác động mang tính động lực” bao gồm: mở rộng thị trường (với các thị trường xuất khẩu và giàu tài nguyên), thu hút đầu tư và thúc đẩy năng lực cạnh tranh

trong nước. Nội dung cụ thể của mục tiêu đó như sau:

Thứ nhất, chiến lược FTA mở rộng thị trường xuất khẩu đưa Hàn Quốc trở thành cửa ngõ thương mại của Châu Á và củng cố vai trò của quốc gia này trong vành đai Thái Bình Dương.

Mang đặc trưng của một nền kinh tế lệ thuộc lớn vào thương mại và định hướng công nghiệp hóa xuất khẩu, chiến lược FTA của Hàn Quốc có xu hướng mở rộng tối đa mạng lưới các đối tác, từ những nền kinh tế phát triển hàng đầu cho tới những nền kinh tế đang phát triển và mới nổi, từ quy mô quốc gia mở rộng sang quy mô khu vực (chẳng hạn như FTA Hàn Quốc - Canada giúp Hàn Quốc mở rộng thị trường sang Canada và từ đó sang toàn khu vực Bắc Mỹ). Đây là cơ hội giúp hàng hóa và dịch vụ Hàn Quốc thâm nhập sâu rộng vào các thị trường nước ngoài (các thị trường đã có quan hệ thương mại từ trước và những thị trường mới tiềm năng).

Mặc dù chủ trương mở rộng thương mại, song chiến lược FTA của Hàn Quốc lại thể hiện lập trường khá cứng rắn đối với một số mặt hàng nhập khẩu. Hàn Quốc kiên quyết bảo hộ một số ngành và lĩnh vực nhạy cảm, đặc biệt là trong lĩnh vực nông nghiệp khi vẫn duy trì mức thuế suất khá cao.

Thứ hai, do đặc thù là một quốc gia khan hiếm tài nguyên thiên nhiên và quy mô thị trường nội địa hạn chế, nên chiến lược FTA của Hàn Quốc đặc biệt ưu tiên những đối tác thương mại có nguồn tài nguyên thiên nhiên dồi dào. Việc tận dụng nguồn tài nguyên ở các nước này giúp Hàn Quốc bảo vệ nguồn lực sản xuất trong nước, đồng thời đảm bảo sự ổn định của các yếu tố đầu vào phục vụ tăng trưởng công nghiệp. Bên cạnh những lợi ích từ giá nguyên nhiên liệu

đầu vào giảm do thuế nhập khẩu được gỡ bỏ và nhiều chương trình hợp tác phát triển tài nguyên năng lượng được triển khai, việc ký kết FTA với những quốc gia giàu tài nguyên còn giúp các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) Hàn Quốc sử dụng trực tiếp nguồn tài nguyên thiên nhiên ở nước sở tại nếu đặt nhà máy tại đây.

Hàn Quốc đã hoàn thành ký kết FTA gồm những nguồn cung năng lượng và khoáng sản quan trọng như: than đá, quặng sắt, khí tự nhiên... với Australia, New Zealand, Canada, hai “tứ hổ” Mỹ Latinh là Peru và Colombia. Australia, thị trường nhập khẩu lớn thứ 7 của Hàn Quốc hiện đang là nhà xuất khẩu khí thiên nhiên hóa lỏng lớn nhất cho quốc gia này và cung cấp tới một phần ba lượng khoáng sản cho hoạt động sản xuất của Hàn Quốc (là nguyên liệu đầu vào cho nhà máy sản xuất thép POSCO hàng đầu thế giới) [25].

Thứ ba, thu hút FDI. Ngay khi Hàn Quốc trở thành mạng lưới trung tâm FTA của thế giới, tam giác kết nối ba nền kinh tế lớn nhất (Mỹ, EU, và Trung Quốc) sẽ ra đời mà trung tâm là Hàn Quốc. FTA này sẽ đưa Hàn Quốc trở thành một trong những điểm đến đầu tư hấp dẫn nhất thế giới, là cửa ngõ cho hàng loạt các nhà đầu tư từ Mỹ, Châu Âu và Trung Quốc tìm kiếm cơ hội thâm nhập thị trường đầy năng động và rộng lớn. Để đạt được tham vọng đó, Hàn Quốc chủ động mở cửa khu vực tài chính cho các nhà đầu tư nước ngoài từ khá sớm. Việc mở rộng thị trường nội địa giúp kích thích làn sóng đầu tư mạnh mẽ từ các doanh nghiệp nước ngoài (đặc biệt là từ những nước đối tác FTA) muốn hoạt động sản xuất kinh doanh ở Hàn Quốc. Các nhà đầu tư vừa được hưởng lợi từ việc dỡ bỏ hàng rào thuế quan, vừa có thêm nhiều cơ hội xâm nhập

vào các thị trường đối tác của Hàn Quốc (tận dụng quy tắc xuất xứ từ Hàn Quốc).

Thứ tư, tạo ra áp lực cải cách trong nước, nâng cao năng lực cạnh tranh và các tiêu chuẩn nội địa. Quan điểm gắn kết các FTA với mục tiêu cải cách kinh tế xuất hiện khá phổ biến ở các nước Đông Á, nhất là ở Singapore và Hàn Quốc. Nếu như giai đoạn đầu (1998-2003), chiến lược FTA của Hàn Quốc cơ bản là sự thích nghi với xu thế khu vực hóa đang nổi lên trên thế giới, thì từ thời Tổng thống Roh Moo-hyun (2004) chiến lược FTA của Hàn Quốc bắt đầu có sự chuyển hướng, từ bị động sang chủ động tham gia các FTA, coi tự do thương mại như một công cụ để cải tổ nền kinh tế [3].

Ở phạm vi quốc gia, chủ trương của Hàn Quốc là chính sách FTA phải gắn liền với các gói cải cách, phải trở thành nhân tố cốt lõi trong các chính sách cải cách đất nước [3]. Giai đoạn trước (1998-2003), với phương châm tối thiểu hóa các tác động tiêu cực nhiều hơn là tối đa hóa lợi ích từ các FTA, chiến lược FTA của Hàn Quốc chủ yếu chú trọng bảo hộ những ngành và lĩnh vực dễ tổn thương. Tuy nhiên, đến thời Tổng thống Roh, ông chủ trương tôn trọng nguyên tắc tự do thương mại, mượn chính các tiêu chuẩn đàm phán FTA làm bàn đạp để tái cấu trúc nền kinh tế, tạo ra cạnh tranh đối với những ngành sản xuất kém hiệu quả. Bộ trưởng Thương mại Kim Hyun-chong cho rằng, FTA với Mỹ sẽ thúc đẩy quá trình tái cấu trúc nền kinh tế và chuyển đổi mô hình phát triển theo hướng kinh tế thị trường tự do. Tổng thống Roh chỉ ra rằng, Hàn Quốc sẽ không thể vươn lên trở thành một nền kinh tế phát triển nếu không triển khai những biện pháp cải cách triệt để, và những gói cải cách này sẽ không thể đạt được hiệu quả nếu thiếu tự do hóa thương mại [6].

Sức ép cạnh tranh và nhu cầu vốn đầu tư nước ngoài chính là động lực đòi hỏi các doanh nghiệp và nhà nước tăng cường hiệu quả sản xuất, kích thích đổi mới sáng tạo, và cải thiện môi trường kinh doanh (giảm chi phí, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho nhà đầu tư nước ngoài cũng như thúc đẩy cải cách chính sách trong nước). Đặc biệt là trong điều kiện các FTA chất lượng cao với Mỹ và EU đã được ký kết, Hàn Quốc buộc phải xem xét lại những quy định của mình đồng thời tiến hành cải tổ thể chế thì mới có thể đáp ứng các tiêu chuẩn toàn cầu cao nhất.

4.2. Mục tiêu chính trị

Lý luận và thực tiễn đều đã chỉ ra rằng, các chiến lược FTA hiếm khi chỉ bao hàm lợi ích kinh tế mà không chứa đựng những mục đích ngoại giao và các tính toán địa - chính trị khác [1]. Chiến lược FTA của Hàn Quốc về cơ bản hướng tới mục tiêu đẩy mạnh chính sách ngoại giao trung cường³. Đã xuất hiện từ đời Tổng thống Kim Dae-jung (1998) song phải tới đời Tổng thống Lee Myung-bak (2008), ngoại giao trung cường mới thực sự trở thành đường lối ngoại giao cốt lõi của Hàn Quốc. Mạng lưới FTA toàn cầu được coi như một nguồn lực quan trọng để thúc đẩy đường lối ngoại giao trung cường này. Nội dung cụ thể của mục tiêu chính trị như sau:

Thứ nhất, chiến lược FTA của Hàn Quốc hướng tới việc đảm bảo “tính đa phương” trong chính sách ngoại giao. Tổng thống Roh đã từng ví vị trí của Hàn Quốc ở Đông Á giống như một chiếc bánh sandwich, một bên là Trung Quốc với giá nhân công rẻ, một bên là Nhật Bản với trình độ sản xuất vượt trội. Nếu không mở rộng quan hệ chiến lược với các quốc gia khác,

Hàn Quốc khó có thể tạo ra lợi thế cạnh tranh, đồng thời sẽ bị cô lập và lép vế giữa hai quốc gia láng giềng khổng lồ này. Hàn Quốc do đó chủ trương theo đuổi chiến lược FTA đa dạng hóa các nước đối tác và hợp tác tối đa. Chiến lược này cho thấy mong muốn xây dựng và củng cố quan hệ ngoại giao với các quốc gia trên thế giới, từ đó nâng cao vị thế của Hàn Quốc trên trường quốc tế.

Thứ hai, thúc đẩy tiến trình hội nhập, kiến tạo hòa bình và thịnh vượng cho khu vực, định hình lại kiến trúc thượng tầng chính trị ở Đông Á và rộng hơn là khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Năm 2003, trong chiến lược chủ động ký kết FTA với các cường quốc lớn trên thế giới, Hàn Quốc đã thể hiện quyết tâm tìm kiếm sức mạnh gia tăng và tăng cường vị trí chiến lược của mình ở Đông Á. Sách trắng Ngoại giao của Hàn Quốc năm 2012 chỉ rõ việc ký kết FTA với Trung Quốc và chiến lược đưa Hàn Quốc trở thành trung tâm FTA của thế giới sẽ đẩy nhanh tiến trình hội nhập Đông Á và giúp Hàn Quốc trở thành chủ thể lãnh đạo của tiến trình này. Lộ trình thương mại mới 2013 một lần nữa khẳng định mong muốn trở thành vai trò đầu tàu của Hàn Quốc trong hội nhập kinh tế khu vực Đông Á [21, tr.379-394].

5. Kết luận

Hàn Quốc đã đạt được những thành tựu đáng kể trong việc theo đuổi các FTA cả về số lượng và chất lượng với mức độ tự do hóa cao, phạm vi điều chỉnh rộng, bảo đảm đồng thuận được lợi ích của các tầng lớp trong xã hội. Chia khóa dẫn đến thành công này là nhờ Hàn Quốc đã có chiến lược tham gia các FTA rõ ràng theo từng giai đoạn với các mục tiêu và lộ trình đàm phán phù hợp.

Đây chính là những bài học rất quý báu mà các nước theo đuổi việc ký kết FTA tích cực như Việt Nam cần lưu ý học hỏi.

Chú thích

³ Đường lối ngoại giao trung cường mang một số đặc điểm: i) coi trọng chính sách đối ngoại đa phương, luôn tìm kiếm một giải pháp đa phương, trong đó các bên đạt được một sự thỏa hiệp đối với các vấn đề toàn cầu; ii) nỗ lực theo đuổi vai trò đi đầu ở khu vực hoặc tiểu khu vực; iii) duy trì trạng thái cân bằng với các nước lớn, thường tránh đối đầu trực tiếp với các cường quốc; iv) có vai trò là trung gian hòa giải trong các xung đột quốc tế (nhất là giữa nước lớn với nước nhỏ; v) tự coi mình là công dân toàn cầu mẫu mực, là những chủ thể đạo đức, thúc đẩy các lĩnh vực như quyền con người, nguyên tắc quân sự và môi trường.

Tài liệu tham khảo

- [1] Park, Noh-wan (2013), *Chính sách FTA của Hàn Quốc: Tình hình và Triển vọng*, Báo cáo tại “Hội thảo về việc đàm phán Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Hàn Quốc”, Hải Phòng, ngày 23/01.
- [2] Aggarwal, Vinod K. and Govella, Kristi (2013), *Linking Trade and Security: Evolving Institutions and Strategies in Asia, Europe, and the United States*, Springer, New York.
- [3] Aggarwal, Vinod K. and Seungjoo, Lee (2011), *Trade Policy in the Asia-Pacific: The Role of Ideas, Interests, and Domestic Institutions*, Springer, New York.
- [4] Ahn, Dukgeun (2010), Legal and Institutional Issues of Korea - EU FTA: New Model for Post - NAFTA FTAs?, *Policy Brief*, October.
- [5] Embassy of the Republic of Korea (2016), *Korus FTA Facts and Figures, Trade Works: A Four-Year Review*.

- [6] Harrison, James (2013), *The European Union and South Korea: The Legal Framework for Strengthening Trade, Economic and Political Relations*, Edinburgh University Press, Edinburgh, Scotland.
- [7] Heo, Yoon (2012), "Institutional Arrangement for FTA Implementation: Trade Adjustment Assistance (TAA) in Korea", *Sogang IIAS Research Series on International Affairs*, Vol. 12.
- [8] Ikenberry, John and Jongryn Mo (2013), *The Rise of Korean Leadership: Emerging Powers and Liberal International Order*, Palgrave Macmillan, New York.
- [9] Im, Jeongbin & Iljeong Jeong (2014), *The Frame of Agricultural Policy and Recent Mào Agricultural Policy in Korea*, A country paper for the FFTC-COA International Workshop on Collection of Relevant Agricultural Policy Information and its Practical Use, June 23-27, Taipei, Taiwan R.O.C.
- [10] Im, Koonsam (2015), "Korean Exchange Rate and FTAs under the Roh Moo-hyun Administration", *International Relations of the Asia-Pacific* Vol. 15.
- [11] Kang, Jun Ha (2015), *Environment Chapter in Korea's FTA: Suggestions for Korea's Model Text*, Theses and Dissertation Indiana University Maurer School of Law.
- [12] Kim, Kyuryoon et al. (2014), *Korea's FTA Strategy and the Korea Peninsula*, Korea Institute for National Unification, Seoul.
- [13] Kim, Sunyoung (2002), *A Strategy for the Successful Conclusion of the South Korea-Chile Free Trade Agreement*, Master's Project Commercial Diplomacy Program, Monterey Institute of international Studies.
- [14] Koo, Mingyo (2008), "South Korea's FTAs: Moving from an Emulative to a Competitive Strategy", Paper presented at the International Symposium "Competitive Regionalism", Ibuka International Conference Hall, Waseda University, Tokyo, Japan.
- [15] Lee, Eun Joo (2011), "Korea Joins \$1 Trillion Trade Club", *Korea Joongang Daily*, 6 December.
- [16] Lee, Jun-kyu (2012), "Korea's Trade Structure and Its Policy Challenges", *Korea's Economy*, Vol. 28.
- [17] Ministry of Economic Affairs (2012), *Roadmap for Korea's Trade Liberalization*.
- [18] Ministry of Economic Affairs (2012), *Total Trade Volume Between Korea and the U.S (2010-2014)*.
- [19] Molders, Florian (2012), *On the Path to Trade Liberalization: Political Regimes in International Trade Negotiations*, Discussion Paper of German Institute for Economic Research.
- [20] Myoung, Jin-ho, et al. (2014), *The Decade-Long Journey of Korea's FTAs*, Working Paper 14-01 of Institute for International Trade.
- [21] Park, Jin-soo (2015), "Korea's Linkage Strategy between FTA HUB Policy and Middle Power Leadership in Regional Economic Integration", *Asia Euro Journal* Vol.13.
- [22] Park, Yoon-shik (2013), "The Impact of the U.S - Korea Free Trade Agreement on Both Economies", *International Journal of Korea Studies*, Vol. XVII, No. 1.
- [23] Song, Yeongkwan (2011), KORUS FTA vs. Korea-EU FT: Why the Differences?, *Korea Economic Institute Academic Paper Series*, Vol. 6, 5 May.
- [24] Stock, Howard (2016), *Korea's Global Ambitions*, Special Sponsored Section, July 2015.
- [25] Wahn-Seong, Jeong (2013), "Embassy of the ROK", *Committee Hansard*, 29 November.
- [26] <https://aric.adb.org/fta-country>
- [27] http://trade.ec.europa.eu/doclib/docs/2006/september/tradoc_113448.pdf
- [28] <http://globaledge.msu.edu/countries/south-korea/tradestats>
- [29] <https://ustr.gov/sites/default/files/2015%20NTE%20Combined.pdf>
- [30] <http://faculty.washington.edu/karyiu/confer/seoul06/papers/park-moon.pdf>

